

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:...../2020/DS-ST

Ngày 29/12/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Hồng L;

2/. Ông Phan Văn C.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2020/TLST-DS ngày 29/7/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1./ Nguyên đơn: Ông K V K, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: ông P V S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2./ Bị đơn: Bà L N H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Ông S và bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông P V S trình bày: Từ ngày 06/8/2015 âm lịch đến ngày 29/8/2015 âm lịch, bà L N H có vay tiền của ông K V K 04 lần bằng tổng số tiền 54.000.000 đồng, có làm biên nhận cho ông K ghi ngày 08/9/2015 âm lịch; đến ngày 22/9/2015 âm lịch, bà H tiếp tục vay của ông K số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận ghi ngày 22/9/2015 âm lịch và ngày 29/9/2015 âm lịch, bà H vay tiền của ông K số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận không ghi ngày tháng năm, lãi suất thỏa thuận là 5%/ 1 tháng. Từ ngày vay tiền đến nay, bà H chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho ông K theo thỏa thuận. Nay ông đại diện cho ông K yêu cầu bà L N H trả tổng số tiền gốc là 134.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử trên số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử trên số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng

Bị đơn bà L N H trình bày: Thừa nhận ngày 22/9/2015 âm lịch có vay của ông K V K số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 29/9/2015 âm lịch tiếp tục vay của ông K số tiền 50.000.000 đồng; cả 02 lần vay tiền này đều thỏa thuận lãi suất 5%/1 tháng, bà có làm biên nhận cho ông K; Còn số tiền 54.000.000 đồng, bà không có vay tiền của ông K, không có ký tên, viết tên vào biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm. Đối với 02 khoản vay tiền 22/9/2015 âm lịch và ngày 29/9/2015 âm lịch, bà đã trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng đến hết tháng 9 năm 2019. Nay bà H chỉ đồng ý trả cho ông K khoản tiền vay gốc của 02 khoản vay là 80.000.000 đồng, ý trả tiền lãi cho ông K từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Còn khoản tiền vay 54.000.000 đồng, bà H xác định không có vay tiền của ông K nên bà không đồng ý trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông K kiện bà H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà L N H có nghĩa vụ trả cho ông K tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là 40.175.200 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Về chi phí giám định, buộc bà H phải chịu theo quy định. Về án phí, bà H thuộc đối tượng miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông K V K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L N H trả tiền nợ vay gốc và lãi. Bà H có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai của K V K, lời khai của bà L N H đều thừa nhận ngày 22/9/2015 âm lịch, bà H có vay của ông K số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, đến ngày 29/9/2015 âm lịch bà H tiếp tục vay của ông K số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, cả 02 lần vay tiền bà H có làm biên nhận cho ông K, bà H đồng ý trả tiền nợ gốc theo yêu cầu của ông K; đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K khởi kiện đòi bà H trả tiền vay gốc 54.000.000 đồng theo biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch. Quá trình giải quyết vụ án bà cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bà L N H không thừa nhận có vay của ông K số tiền 54.000.000 đồng, chữ ký H, chữ viết L N H trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch do ông K cung cấp không phải là của bà. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, ngày 19/8/2020 ông P V S là người đại diện theo ủy quyền của ông K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phước Long ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của bà H trong biên nhận ngày 08/9/2015 âm lịch. Ngày 19/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Phước Long ra Quyết định trưng cầu giám định số: 06/2020/QĐ-TCGD gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu trưng cầu giám định: Mẫu chữ ký, chữ viết họ tên L N H trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch với các mẫu chữ ký, chữ viết họ tên L N H trong các văn bản làm mẫu so sánh có phải do cùng một người, ký, viết ra hay không? Ngày 02/11/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu có Kết luận giám định số: 123/GĐ-2020 kết luận: Chữ ký mang tên L N H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký “H” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký ra; Chữ viết “L N H” dưới mục “ký tên” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết “L N H” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và dưới các mục: “Người nhận”, “Người làm đơn”, “Đương sự” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M7 do cùng một người viết ra. Sau khi có Kết luận giám định, Tòa án nhân dân huyện Phước Long đã tiến hành tổng đạt Kết luận giám định số 123 ngày 02/11/2020 cho bà H nhưng bà H từ chối nhận, đã tiến hành giải thích cho bà H nếu không đồng ý với Kết luận giám định này thì bà có quyền yêu cầu giám định lại nhưng đến nay bà H cũng không yêu cầu giám định lại. Như vậy, bà H cho rằng chữ ký tên “H” và họ tên “L N H” trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch không phải là của bà, nhưng tại Kết luận giám định lại kết luận do cùng một người ký và viết ra, các tài liệu gửi làm mẫu so sánh giám định chữ ký, chữ viết họ tên bà H đều do Tòa án thu thập đúng quy định của pháp luật, được bà H ký và viết tại Tòa án hoặc do bà H giao nộp cho Tòa án. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K V K đòi bà L N H trả tiền vay gốc số tiền 54.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông P V S là người đại diện theo ủy quyền của ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi của số tiền vay gốc 54.000.000 đồng; việc ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp

luật, đạo đức xã hội và nằm trong phạm vi ủy quyền. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tuyên bố đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K đối với bà H về việc yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K đòi bà H trả tiền lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì thấy rằng, bà H cho rằng bà đã trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng từ ngày vay cho đến hết tháng 9 năm 2019, còn ông K không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H như bà H trình bày; về phía bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà có trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng từ ngày vay cho đến hết tháng 9 năm 2019, nên lời khai của bà H không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông K đòi bà H trả tiền lãi nêu ở phần trên là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, ông K xác định lãi suất cho vay là 1,5%/1 tháng, còn bà H xác định lãi suất là 5%/1 tháng, tại phiên tòa ngày hôm nay ông S xác định mức lãi suất cho vay là 6%/1 tháng, trong các biên nhận không có ghi nhận về lãi suất cho vay. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: Từ ngày 29/9/2015 âm lịch (10//11/2015) đến ngày 31/12/2016 sẽ áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, cụ thể áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/1 năm, thời gian tính lãi là 01 năm 01 tháng 21 ngày x 80.000.000 đồng x 9%/1 năm = 8.220.000 đồng. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất được tính là 10%/1 năm, thời gian tính là 03 năm 11 tháng 28 ngày x 80.000.000 đồng x 10%/ 1 năm = 31.955.200 đồng.

[6] Từ nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông K V K đòi bà L N H trả tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đồng. Tổng cộng 174.175.200 đồng.

[7] Về chi phí giám định chữ ký: Ông K V K đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng, đã chi hết số tiền 3.750.000 đồng. Buộc bà H phải chịu và nộp hoàn trả cho ông K số tiền 3.750.000 đồng. Ông K được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà H thuộc đối tượng miễn nộp án phí, có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí. Ông K được hoàn lại phần án phí đã tạm ứng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đ (Năm mươi bốn triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền nợ gốc 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà L N H có nghĩa vụ trả cho ông K V K tiền nợ gốc là 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đ (Bốn mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng 174.175.200 đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/. Về chi phí giám định chữ ký: Ông K V K đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng), đã chi hết số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Buộc bà H phải chịu và nộp hoàn trả cho ông K số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Ông K được hoàn lại số tiền 1.250.000 đ (Một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L N H thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật nên không phải nộp tiền án phí xét xử dân sự có giá ngạch. Ông K V K đã tạm ứng số tiền 3.350.000 đ (Ba triệu ba trăm năm chục nghìn đồng) tại biên lai số 0009492 ngày 27 tháng 7 năm 2020, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nội nhân

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các nông sới;
- Lầu.

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../2020/DS-ST

Ngày 29/12/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Hồng Lành;

2/. Ông Phan Văn Chiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2020/TLST-DS ngày 29/7/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1./ Nguyên đơn: Ông K V K, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: ông P V S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2./ Bị đơn: Bà L N H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Ông S và bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông P V S trình bày: Từ ngày 06/8/2015 âm lịch đến ngày 29/8/2015 âm lịch, bà L N H có vay tiền của ông K V K 04 lần bằng tổng số tiền 54.000.000 đồng, có làm biên nhận cho ông K ghi ngày 08/9/2015 âm lịch; đến ngày 22/9/2015 âm lịch, bà H tiếp tục vay của ông K số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận ghi ngày 22/9/2015 âm lịch và ngày 29/9/2015 âm lịch, bà H vay tiền của

ông K số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận không ghi ngày tháng năm, lãi suất thỏa thuận là 5%/ 1 tháng. Từ ngày vay tiền đến nay, bà H chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho ông K theo thỏa thuận. Nay ông đại diện cho ông K yêu cầu bà L N H trả tổng số tiền gốc là 134.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử trên số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử trên số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng

Bị đơn bà L N H trình bày: Thừa nhận ngày 22/9/2015 âm lịch có vay của ông K V K số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 29/9/2015 âm lịch tiếp tục vay của ông K số tiền 50.000.000 đồng; cả 02 lần vay tiền này đều thỏa thuận lãi suất 5%/1 tháng, bà có làm biên nhận cho ông K; Còn số tiền 54.000.000 đồng, bà không có vay tiền của ông K, không có ký tên, viết tên vào biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm. Đối với 02 khoản vay tiền 22/9/2015 âm lịch và ngày 29/9/2015 âm lịch, bà đã trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng đến hết tháng 9 năm 2019. Nay bà H chỉ đồng ý trả cho ông K khoản tiền vay gốc của 02 khoản vay là 80.000.000 đồng, ý trả tiền lãi cho ông K từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Còn khoản tiền vay 54.000.000 đồng, bà H xác định không có vay tiền của ông K nên bà không đồng ý trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông K kiện bà H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà L N H có nghĩa vụ trả cho ông K tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử là 40.175.200 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Về chi phí giám định, buộc bà H phải chịu theo quy định. Về án phí, bà H thuộc đối tượng miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông K V K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L N H trả tiền nợ vay gốc và lãi. Bà H có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai của K V K, lời khai của bà L N H đều thừa nhận ngày 22/9/2015 âm lịch, bà H có vay của ông K số tiền 30.000.000 đồng tiền nợ gốc, đến ngày 29/9/2015 âm lịch bà H tiếp tục vay của ông K số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, cả 02 lần vay tiền bà H có làm biên nhận cho ông K, bà H đồng ý trả tiền nợ gốc theo yêu cầu

của ông K; đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K khởi kiện đòi bà H trả tiền vay gốc 54.000.000 đồng theo biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch. Quá trình giải quyết vụ án bà cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bà L N H không thừa nhận có vay của ông K số tiền 54.000.000 đồng, chữ ký H, chữ viết L N H trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch do ông K cung cấp không phải là của bà. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, ngày 19/8/2020 ông P V S là người đại diện theo ủy quyền của ông K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phước Long ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của bà H trong biên nhận ngày 08/9/2015 âm lịch. Ngày 19/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Phước Long ra Quyết định trưng cầu giám định số: 06/2020/QĐ-TCGD gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu trưng cầu giám định: Mẫu chữ ký, chữ viết họ tên L N H trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch với các mẫu chữ ký, chữ viết họ tên L N H trong các văn bản làm mẫu so sánh có phải do cùng một người, ký, viết ra hay không? Ngày 02/11/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu có Kết luận giám định số: 123/GĐ-2020 kết luận: Chữ ký mang tên L N H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký “H” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký ra; Chữ viết “L N H” dưới mục “ký tên” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết “L N H” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và dưới các mục: “Người nhận”, “Người làm đơn”, “Đương sự” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M7 do cùng một người viết ra. Sau khi có Kết luận giám định, Tòa án nhân dân huyện Phước Long đã tiến hành tổng đạt Kết luận giám định số 123 ngày 02/11/2020 cho bà H nhưng bà H từ chối nhận, đã tiến hành giải thích cho bà H nếu không đồng ý với Kết luận giám định này thì bà có quyền yêu cầu giám định lại nhưng đến nay bà H cũng không yêu cầu giám định lại. Như vậy, bà H cho rằng chữ ký tên “H” và họ tên “L N H” trong biên nhận ghi ngày 08/9/2015 âm lịch không phải là của bà, nhưng tại Kết luận giám định lại kết luận do cùng một người ký và viết ra, các tài liệu gửi làm mẫu so sánh giám định chữ ký, chữ viết họ tên bà H đều do Tòa án thu thập đúng quy định của pháp luật, được bà H ký và viết tại Tòa án hoặc do bà H giao nộp cho Tòa án. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K V K đòi bà L N H trả tiền vay gốc số tiền 54.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông P V S là người đại diện theo ủy quyền của ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi của số tiền vay gốc 54.000.000 đồng; việc ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và nằm trong phạm vi ủy quyền. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tuyên bố đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K đối với bà H về việc yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K đòi bà H trả tiền lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì thấy rằng, bà H cho rằng bà đã trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng từ ngày vay cho đến hết tháng 9 năm 2019, còn ông K không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H như bà H

trình bày; về phía bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà có trả tiền lãi cho ông K với mức 5%/1 tháng từ ngày vay cho đến hết tháng 9 năm 2019, nên lời khai của bà H không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông K đòi bà H trả tiền lãi nêu ở phần trên là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, ông K xác định lãi suất cho vay là 1,5%/1 tháng, còn bà H xác định lãi suất là 5%/1 tháng, tại phiên tòa ngày hôm nay ông S xác định mức lãi suất cho vay là 6%/1 tháng, trong các biên nhận không có ghi nhận về lãi suất cho vay. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: Từ ngày 29/9/2015 âm lịch (10//11/2015) đến ngày 31/12/2016 sẽ áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, cụ thể áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/1 năm, thời gian tính lãi là 01 năm 01 tháng 21 ngày x 80.000.000 đồng x 9%/1 năm = 8.220.000 đồng. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất được tính là 10%/1 năm, thời gian tính là 03 năm 11 tháng 28 ngày x 80.000.000 đồng x 10%/ 1 năm = 31.955.200 đồng.

[6] Từ nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông K V K đòi bà L N H trả tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đồng. Tổng cộng 174.175.200 đồng.

[7] Về chi phí giám định chữ ký: Ông K V K đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng, đã chi hết số tiền 3.750.000 đồng. Buộc bà H phải chịu và nộp hoàn trả cho ông K số tiền 3.750.000 đồng. Ông K được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà H thuộc đối tượng miễn nộp án phí, có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí. Ông K được hoàn lại phần án phí đã tạm ứng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đ (Năm mươi bốn triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền nợ gốc 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà L N H có nghĩa vụ trả cho ông K V K tiền nợ gốc là 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đ (Bốn mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng 174.175.200 đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/. Về chi phí giám định chữ ký: Ông K V K đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng), đã chi hết số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Buộc bà H phải chịu và nộp hoàn trả cho ông K số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Ông K được hoàn lại số tiền 1.250.000 đ (Một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L N H thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật nên không phải nộp tiền án phí xét xử dân sự có giá ngạch. Ông K V K đã tạm ứng số tiền 3.350.000 đ (Ba triệu ba trăm năm chục nghìn đồng) tại biên lai số 0009492 ngày 27 tháng 7 năm 2020, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu

Nguyễn Hồng Lành

Quách Thanh Tồn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Phan Văn Chiêu.

2/.Bà Nguyễn Hồng Lành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 213/2020/TLST – DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1./ Nguyên đơn: Ông K V K, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: ông P V S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2./ Bị đơn: Bà L N H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đ (Năm mươi bốn triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K V K kiện đòi bà L N H trả tiền nợ gốc 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng) từ ngày 29/9/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà L N H có nghĩa vụ trả cho ông K V K tiền nợ gốc là 134.000.000 đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 40.175.200 đ (Bốn mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Tổng cộng 174.175.200 đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/. Về chi phí giám định chữ ký: Ông K V K đã tạm ứng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng), đã chi hết số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Buộc bà H phải chịu và nộp hoàn trả cho ông K số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Ông K được hoàn lại số tiền 1.250.000 đ (Một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L N H thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật nên không phải nộp tiền án phí xét xử dân sự có giá ngạch. Ông K V K đã tạm ứng số tiền 3.350.000 đ (Ba triệu ba trăm năm chục nghìn đồng) tại biên lai số 0009492 ngày 27 tháng 7 năm 2020, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Hội đồng xét xử còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu Nguyễn Hồng Lành

Quách Thanh Tồn

